

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * KHOA K16KTR
MÔN : KIẾN TRÚC NHÀ CÔNG CỘNG * SỐ TÍN CHỈ : 02

MÃ MÔN : ARC - 272 Học kỳ : 5
Lần thi : 1

Thời gian : 15h30 - 13/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					10%	0%	15%	0%	0%	20%	0%	0%	55%			
1	162233437	Nguyễn Công	Anh	K16KTR1	6		8			9			5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
2	162233452	Phan Phước	Chung	K16KTR1	4		6			6			2	0.0	Không	
3	162233467	Thái Việt	Duy	K16KTR1	8		5			9			5.5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
4	162233471	Phạm Xuân	Hà	K16KTR1	7		4			5			1	0.0	Không	
5	162233473	Trương Việt Minh	Hải	K16KTR1	3		8			7			4.5	5.4	Năm phẩy Bốn	
6	162233479	Nguyễn Thị Thuý	Hằng	K16KTR1	8		8.5			6			4.5	5.8	Năm phẩy Tám	
7	162233483	Nguyễn	Hậu	K16KTR1	5		6.5			9			7	7.1	Bảy phẩy Một	
8	162233486	Đặng Quang	Điệp	K16KTR1	3		3			5			2.5	0.0	Không	
9	162233487	Lê Trung	Hiếu	K16KTR1	6		5			9			5	5.9	Năm phẩy Chín	
10	162233489	Phạm Ngọc	Hiếu	K16KTR1	5		4.5			3			4	4.0	Bốn	
11	162233494	Lê Ngọc	Hoàng	K16KTR1	3		3			8			3.5	0.0	Không	
12	162233496	Thái Bảo	Hoàng	K16KTR1	3		7.5			0			2.5	0.0	Không	
13	162233502	Lê Quang	Hùng	K16KTR1	5		8.5			9			6	6.9	Sáu phẩy Chín	
14	162233520	Lê Đức	Lâm	K16KTR1	3		7.5			0			HP	0.0	Không	NỢ HP
15	162233523	Lê Thị Thuý	Liên	K16KTR1	3.5		7.5			4			4	4.5	Bốn phẩy Năm	
16	162233530	Trần Hoàng	Luân	K16KTR1	3		4			4			2	0.0	Không	
17	162233534	Hồ Thị Diễm	Mi	K16KTR1	5.5		3.5			4			3	0.0	Không	
18	162233537	Phạm Hồng	Minh	K16KTR1	3		4.5			6			2.5	0.0	Không	
19	162233546	Nguyễn Phước	Nghĩa	K16KTR1	4		3.5			9			4	4.9	Bốn phẩy Chín	
20	162233551	Lê Hoàng Quốc	Ngữ	K16KTR1	4		3.5			6			5.5	5.2	Năm phẩy Hai	
21	162233554	Lê Thị	Nhàn	K16KTR1	3.5		7.5			7			5.5	5.9	Năm phẩy Chín	
22	162233558	Nguyễn Trương	Phú	K16KTR1	5		4			7			6.5	6.1	Sáu phẩy Một	
23	162233563	Phạm	Phương	K16KTR1	3.5		7.5			5			2	0.0	Không	
24	162233564	Bùi Thị Lan	Phương	K16KTR1	0		0			0			HP	0.0	Không	NỢ HP
25	162233569	Lê Đức	Quốc	K16KTR1	3		8.5			5			3.5	0.0	Không	
26	162233572	Trần Đình	Quyết	K16KTR1	4.5		8			8			7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn	
27	162233575	Cao Thiên	Sơn	K16KTR1	4		7.5			4			0	0.0	Không	
28	162233576	Lộ Thanh	Tâm	K16KTR1	1		4.5			7			1	0.0	Không	
29	162233585	Hoàng Minh	Thanh	K16KTR1	4.5		4			7			1	0.0	Không	
30	162233593	Trần Thị Thanh	Thảo	K16KTR1	4.5		3.5			8			7	6.4	Sáu phẩy Bốn	
31	162233596	Nguyễn Văn	Thịnh	K16KTR1	7		4.5			9			HP	0.0	Không	NỢ HP
32	162233616	Nguyễn Nho	Toàn	K16KTR1	6		8			6			3.5	0.0	Không	
33	162233626	Hà Xuân	Trung	K16KTR1	5		8.5			7			6.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
34	162233633	Trần Duy	Tùng	K16KTR1	3		4			7			1	0.0	Không	

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10%	0%	15%	0%	0%	20%	0%	0%	55%				
35	162233638	Phạm Bá	Vinh	K16KTR1	8		7.5			9			5.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
36	162233642	Nguyễn Thế	Vũ	K16KTR1	3		4.5			4			0	0.0	Không	
37	162236505	Đặng Quốc	Huy	K16KTR1	6		4			5			0	0.0	Không	
38	162236640	Đặng Quang	Luân	K16KTR1	3		7.5			5			2	0.0	Không	
39	162236643	Trần Thanh	Tịnh	K16KTR1	3		4.5			5			6	5.3	Năm phẩy Ba	
40	162237656	Nguyễn Việt	Cường	K16KTR1	3.5		4			6			5.5	5.2	Năm phẩy Hai	
41	152232933	Hồ Thanh	Tuấn	K16KTR2	3		0			7			5	4.5	Bốn phẩy Năm	
42	152232960	Nguyễn Minh	Hoàng	K16KTR2	3		2			0			2.5	0.0	Không	
43	162233442	Nguyễn Lê Duy	Bảo	K16KTR2	3		3			7			5.5	5.2	Năm phẩy Hai	
44	162233449	Trần Thị	Chi	K16KTR2	4		4			3			6	4.9	Bốn phẩy Chín	
45	162233461	Nguyễn Văn	Đạt	K16KTR2	5		4			3			1.5	0.0	Không	
46	162233464	Võ Việt	Đức	K16KTR2	3		6			0			V	0.0	Không	
47	162233468	Lê Nguyễn Hạnh	Duyên	K16KTR2	8		6.5			10			6	7.1	Bảy phẩy Một	
48	162233477	Nguyễn Nhật	Hân	K16KTR2	3		0			3			0	0.0	Không	
49	162233480	Đinh Phương Hồng	Hạnh	K16KTR2	3		6.5			7			2	0.0	Không	
50	162233481	Trần Lý Quang	Hào	K16KTR2	3.5		7.5			7			0	0.0	Không	
51	162233484	Nguyễn	Hiền	K16KTR2	0		0			0			2	0.0	Không	
52	162233497	Lê Bá Nhật	Hoàng	K16KTR2	3		6.5			7			6	6.0	Sáu	
53	162233499	Nguyễn Duy	Hợp	K16KTR2	3		3			7			4	4.4	Bốn phẩy Bốn	
54	162233504	Nguyễn Quang	Hùng	K16KTR2	3		6.5			7			3	0.0	Không	
55	162233511	Đinh Quốc	Huy	K16KTR2	3		2			3			2	0.0	Không	
56	162233521	Nguyễn Thanh	Lâm	K16KTR2	3		2			5			3	0.0	Không	
57	162233528	Trần	Lợi	K16KTR2	7		4			10			3.5	0.0	Không	
58	162233535	Đoàn Quang	Minh	K16KTR2	3		3			6			3.5	0.0	Không	
59	162233540	Hạ Thị Thanh	Mỹ	K16KTR2	6.5		6.5			8			1	0.0	Không	
60	162233543	Lê Đình	Nam	K16KTR2	5.5		5			5			3.5	0.0	Không	
61	162233547	Trương Công	Ngọ	K16KTR2	3.5		3			8			0	0.0	Không	
62	162233555	Trần Thị Mỹ	Nhi	K16KTR2	3		5.5			5			2	0.0	Không	
63	162233559	Nguyễn Duy	Phúc	K16KTR2	3		3			8			6	5.7	Năm phẩy Bảy	
64	162233562	Trương Thị Thuý	Phương	K16KTR2	3		6.5			4			1	0.0	Không	
65	162233570	Lê Phước	Quốc	K16KTR2	3		5			4			5.5	4.9	Bốn phẩy Chín	
66	162233573	Trần Hạ	San	K16KTR2	3		6.5			7			5.5	5.7	Năm phẩy Bảy	
67	162233577	Đặng Văn	Tân	K16KTR2	6		4			8			7.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
68	162233579	Nguyễn Văn	Tây	K16KTR2	3		3			8			5	5.1	Năm phẩy Một	
69	162233590	Nguyễn Quang	Thành	K16KTR2	3		10			8			5	6.2	Sáu phẩy Hai	

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10%	0%	15%	0%	0%	20%	0%	0%	55%				
70	162233591	Hà Công	Thành	K16KTR2	4		6.5			6			2.5	0.0	Không	
71	162233594	Đoàn Thượng	Thi	K16KTR2	3.5		0			0			4.5	2.8	Hai phẩy Tám	
72	162233597	Nguyễn Đình	Thông	K16KTR2	7.5		4			6			5	5.3	Năm phẩy Ba	
73	162233602	Đinh Lý Hoài	Thương	K16KTR2	6		7.5			0			HP	0.0	Không	NỢ HP
74	162233604	Nguyễn Phạm Sơn	Thuỷ	K16KTR2	3		6.5			7			5	5.4	Năm phẩy Bốn	
75	162233608	Nguyễn Nam	Tiến	K16KTR2	3		6			10			5.5	6.2	Sáu phẩy Hai	
76	162233609	Nguyễn Vũ	Tiến	K16KTR2	3		0			6			2	0.0	Không	
77	162233613	Lê Huy	Tín	K16KTR2	3		4			7			HP	0.0	Không	NỢ HP
78	162233619	Cao Xuân	Toàn	K16KTR2	6		7.5			8			7.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
79	162233624	Nguyễn Minh	Trí	K16KTR2	3		2			6			2	0.0	Không	
80	162233627	Nguyễn Bảo	Trung	K16KTR2	4		6.5			6			5	5.3	Năm phẩy Ba	
81	162233634	Trịnh Thanh	Tùng	K16KTR2	3		5			7			2	0.0	Không	
82	162233639	Trương Tấn	Vinh	K16KTR2	3		0			3			4.5	3.4	Ba phẩy Bốn	
83	162236434	Trần Quang	Tư	K16KTR2	5		4			7			5.5	5.5	Năm phẩy Năm	
84	162236435	Nguyễn Thị Bảo	Yến	K16KTR2	3		6			5			1	0.0	Không	
85	162236644	Cao Đặng Huyền	Trang	K16KTR2	3.5		7.5			8			6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
86	162237617	Phạm Tiến	Trung	K16KTR2	3		2			3			2	0.0	Không	
87	162233436	Thái Thị	Anh	K16KTR3	7.5		7			8			9.5	8.6	Tám phẩy Sáu	
88	162233441	Phan Tuấn	Anh	K16KTR3	6.5		7			8			1	0.0	Không	
89	162233443	Nguyễn Quốc	Bảo	K16KTR3	3		2.5			7			1	0.0	Không	
90	162233446	Phạm Văn	Chất	K16KTR3	4.5		5			7			0	0.0	Không	
91	162233450	Lê Văn	Chiến	K16KTR3	4		5			8			1	0.0	Không	
92	162233455	Nguyễn Hoàng Quốc	Cường	K16KTR3	5.5		5			8			5	5.7	Năm phẩy Bảy	
93	162233456	Vô Văn	Cường	K16KTR3	3.5		3.5			8			2	0.0	Không	
94	162233462	Phạm	Đạt	K16KTR3	3.5		4			7			4	4.6	Bốn phẩy Sáu	
95	162233465	Hoàng Quốc	Dũng	K16KTR3	3		2.5			8			2	0.0	Không	
96	162233469	Ngô Thị Kiều	Giang	K16KTR3	4.5		7			8			5	5.9	Năm phẩy Chín	
97	162233472	Ngô	Hải	K16KTR3	3.5		4			8			2	0.0	Không	
98	162233485	Trần Minh	Hiển	K16KTR3	5		3			8			5	5.3	Năm phẩy Ba	
99	162233492	Trần Việt	Hoàn	K16KTR3	3		4			5			4	4.1	Bốn phẩy Một	
100	162233498	Nguyễn Hồng	Hoàng	K16KTR3	4		2.5			8			1	0.0	Không	
101	162233503	Lưu Văn	Hùng	K16KTR3	6.5		3.5			7			5	5.3	Năm phẩy Ba	
102	162233512	Phạm Thị	Huyền	K16KTR3	4.5		7			8			6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
103	162233515	Nguyễn Đình	Khoa	K16KTR3	5		4			8			10	8.2	Tám phẩy Hai	
104	162233525	Nguyễn Quang	Lĩnh	K16KTR3	5.5		5.5			8			1.5	0.0	Không	

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					10%	0%	15%	0%	0%	20%	0%	0%	55%			
105	162233529	Đặng Hoàng	Long	K16KTR3	3		5			8			5	5.4	Năm phẩy Bốn	
106	162233533	Nguyễn Thị Hương	Luy	K16KTR3	7.5		7			8			8	7.8	Bảy phẩy Tám	
107	162233544	Đặng Thị Kim	Nga	K16KTR3	7.5		8.5			10			8	8.4	Tám phẩy Bốn	
108	162233556	Hồ Tuấn	Phong	K16KTR3	9		8.5			8			9	8.7	Tám phẩy Bảy	
109	162233561	Dương Phú	Phước	K16KTR3	6		8.5			7			5	6.0	Sáu	
110	162233567	Hoàng Trọng	Quang	K16KTR3	7		3.5			8			8.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
111	162233574	Phạm Ngọc	Sinh	K16KTR3	4		0			0			V	0.0	Không	
112	162233578	Nguyễn Minh	Tân	K16KTR3	3		4			8			5.5	5.5	Năm phẩy Năm	
113	162233581	Lê Hoàng Việt	Thắng	K16KTR3	3.5		4			8			6.5	6.1	Sáu phẩy Một	
114	162233584	Nguyễn Thị Phương	Thanh	K16KTR3	6.5		7			8			8.5	8.0	Tám	
115	162233587	Ngô Việt	Thanh	K16KTR3	4		4			8			5	5.4	Năm phẩy Bốn	
116	162233589	Vũ Đức	Thành	K16KTR3	3		3.5			8			V	0.0	Không	
117	162233598	Lê Ngọc	Thu	K16KTR3	8.5		8.5			8			3.5	0.0	Không	
118	162233601	Hoàng Thị Hoài	Thương	K16KTR3	9		3.5			8			3.5	0.0	Không	
119	162233606	Phạm Thị Lam	Thuyền	K16KTR3	3.5		5			7			3	0.0	Không	
120	162233610	Nguyễn Tài	Tiến	K16KTR3	4		5			8			5.5	5.8	Năm phẩy Tám	
121	162233614	Vũ Văn	Tĩnh	K16KTR3	7		8.5			8			5	6.3	Sáu phẩy Ba	
122	162233617	Giang Văn	Toàn	K16KTR3	3		0			8			4	4.1	Bốn phẩy Một	
123	162233620	Huỳnh Thị Thùy	Trang	K16KTR3	4		5			8			3	0.0	Không	
124	162233628	Thái Lâm	Trường	K16KTR3	3.5		5			8			3.5	0.0	Không	
125	162233630	Nguyễn Vĩnh	Tuấn	K16KTR3	3		3			0			1	0.0	Không	
126	162233644	Phan Bá	Vương	K16KTR3	3		4.5			7			7.5	6.5	Sáu phẩy Năm	
127	162236641	Dương Thị Ánh	Nguyệt	K16KTR3	3		3			0			HP	0.0	Không	NỢ HP
128	162236709	Ngô Thị	Anh	K16KTR3	6		2.5			8			2	0.0	Không	
129	162236834	Tô Ngọc	Quốc	K16KTR3	3		3			3			3.5	0.0	Không	
130	162236915	Lê Thế	Phương	K16KTR3	4.5		4			6			2.5	0.0	Không	
131	162236916	Lê Xuân	Thành	K16KTR3	4.5		5			5			4.5	4.7	Bốn phẩy Bảy	
132	162237005	Trương Xuân	Vinh	K16KTR3	8.5		8.5			8			6	7.0	Bảy	
133	132234890	Nguyễn Văn	Quế	K16KTR4	0		0			0			HP	0.0	Không	NỢ HP
134	152232847	Phan Như	Thịnh	K16KTR4	3		4			7			4.5	4.8	Bốn phẩy Tám	
135	152232962	Phan Văn	Phúc	K16KTR4	3		10			3			1.5	0.0	Không	
136	152233019	Ngô Thị	Giang	K16KTR4	6		7.5			10			6	7.0	Bảy	
137	162233439	Nguyễn Đức	Anh	K16KTR4	4.5		6			8			6	6.3	Sáu phẩy Ba	
138	162233444	Phùng Quốc	Bảo	K16KTR4	4.5		5			8			4.5	5.3	Năm phẩy Ba	
139	162233447	Nguyễn Thị Mỹ	Châu	K16KTR4	3		4			8			4.5	5.0	Năm	

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					10%	0%	15%	0%	0%	20%	0%	0%	55%			
140	162233451	Trần Hữu	Chinh	K16KTR4	3		2			8			3	0.0	Không	
141	162233454	Trần Văn	Cường	K16KTR4	3		5			8			7	6.5	Sáu phẩy Năm	
142	162233466	Nguyễn Thị Hường	Dương	K16KTR4	5.5		7.5			8			6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
143	162233470	Nguyễn	Giàu	K16KTR4	3.5		5			3			0	0.0	Không	
144	162233474	Phạm Thanh	Hải	K16KTR4	4.5		6.5			4			3	0.0	Không	
145	162233475	Đỗ Văn	Hải	K16KTR4	4		10			8			5.5	6.5	Sáu phẩy Năm	
146	162233501	Cao Mạnh	Hùng	K16KTR4	4		5			8			5.5	5.8	Năm phẩy Tám	
147	162233505	Nguyễn Khánh	Hưng	K16KTR4	5.5		3			8			7	6.5	Sáu phẩy Năm	
148	162233526	Lê Văn	Lộc	K16KTR4	3.5		3			7			5	5.0	Năm	
149	162233541	Nguyễn Lê	Na	K16KTR4	4.5		7.5			10			6	6.9	Sáu phẩy Chín	
150	162233545	Lê Mỹ	Ngân	K16KTR4	4		6			8			5.5	5.9	Năm phẩy Chín	
151	162233549	Trần Đỗ Ánh	Ngọc	K16KTR4	5.5		7.5			10			6.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
152	162233553	Hồ Văn	Nhàn	K16KTR4	4		7			7			4.5	5.3	Năm phẩy Ba	
153	162233557	Phạm Châu	Phong	K16KTR4	5.5		6.5			7			4.5	5.4	Năm phẩy Bốn	
154	162233565	Nguyễn Ngọc Nhất	Phương	K16KTR4	5		6.5			7			6	6.2	Sáu phẩy Hai	
155	162233568	Ngô Đình	Quế	K16KTR4	5.5		6.5			8			4	5.3	Năm phẩy Ba	
156	162233580	Võ Đức	Thắng	K16KTR4	3		5			4			5	4.6	Bốn phẩy Sáu	
157	162233583	Trần Phước	Thanh	K16KTR4	5.5		3			8			5.5	5.6	Năm phẩy Sáu	
158	162233588	Nguyễn Việt	Thành	K16KTR4	3		3			8			4	4.6	Bốn phẩy Sáu	
159	162233592	Nguyễn Quốc	Thạnh	K16KTR4	3		7			7			1	0.0	Không	
160	162233603	Phạm Thương	Thương	K16KTR4	3		3			8			6	5.7	Năm phẩy Bảy	
161	162233607	Trần Thủy	Tiên	K16KTR4	3		6			5			3	0.0	Không	
162	162233611	Trần Ngọc	Tiến	K16KTR4	3		7			8			4	5.2	Năm phẩy Hai	
163	162233615	Lê Thanh	Tịnh	K16KTR4	7		10			8			4.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
164	162233621	Nguyễn Thế Bích	Trang	K16KTR4	6		7.5			10			6	7.0	Bảy	
165	162233629	Trần Công	Trường	K16KTR4	3		7			7			4	5.0	Năm	
166	162233632	Nguyễn Thanh	Tuấn	K16KTR4	5.5		7			7			5	5.8	Năm phẩy Tám	
167	162233637	Hoàng Anh	Việt	K16KTR4	5.5		6.5			7			0	0.0	Không	
168	162233641	Lê Minh	Vũ	K16KTR4	3		3			8			0	0.0	Không	
169	162233643	Võ Đình	Vương	K16KTR4	3		5			3			0	0.0	Không	
170	162236506	Nguyễn Văn	Mạnh	K16KTR4	3.5		5			9			6	6.2	Sáu phẩy Hai	
171	162236639	Nguyễn Quang	Hiếu	K16KTR4	4		6.5			7			1	0.0	Không	
172	162236835	Nguyễn Chí Duy	Thành	K16KTR4	6.5		10			9			5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
173	162237421	Lê Xuân	Quyền	K16KTR4	5		10			7			0	0.0	Không	
174	132234928	Lương Vi	Trung	K16KTR5	3		0			8			6	5.2	Năm phẩy Hai	

Thời gian : 15h30 - 13/10/2012

Lần thi : 1

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					10%	0%	15%	0%	0%	20%	0%	0%	55%			
175	142231381	Hồ Trần	Danh	K16KTR5	5.5		2			5			4	4.1	Bốn phẩy Một	
176	142234644	Bùi Đức	Lâm	K16KTR5	3		0			8			2.5	0.0	Không	
177	142234945	Lê Tuấn	Pháp	K16KTR5	3		0			4			6	4.4	Bốn phẩy Bốn	
178	152232801	Võ	Dũng	K16KTR5	3		7.5			9			4.5	5.7	Năm phẩy Bảy	
179	152232830	Nguyễn Ngọc	Tuyên	K16KTR5	3		2			8			5.5	5.2	Năm phẩy Hai	
180	152232902	Nguyễn Văn	Hoàng	K16KTR5	5.5		2			8			4	4.7	Bốn phẩy Bảy	
181	152232914	Ngô	Tin	K16KTR5	3		7			7			3.5	0.0	Không	
182	152232918	Cần Nguyễn Mạnh	Cường	K16KTR5	8		8			8			3	0.0	Không	
183	152232946	Lê Minh	Hải	K16KTR5	3		5			7			2	0.0	Không	
184	152232947	Phạm Văn Thành	Đạt	K16KTR5	3		7			4			3	0.0	Không	
185	152232986	Nguyễn Đình	Trực	K16KTR5	4.5		2			8			2	0.0	Không	
186	152233008	Nguyễn Hoàng	Tùng	K16KTR5	0		0			0			8	4.4	Bốn phẩy Bốn	
187	152233027	Lê Văn	Thiên	K16KTR5	3		7			8			5.5	6.0	Sáu	
188	152233060	Phan Tấn Phú	Quốc	K16KTR5	3		6			5			3	0.0	Không	
189	152233065	Phan Trần	Anh	K16KTR5	3		0			8			5.5	4.9	Bốn phẩy Chín	
190	162233435	Võ Ngọc Quỳnh	Anh	K16KTR5	3		8			8			5	5.9	Năm phẩy Chín	
191	162233453	Đỗ Mạnh	Cường	K16KTR5	5		6			5			4	4.6	Bốn phẩy Sáu	
192	162233457	Võ Bá	Danh	K16KTR5	3		5			8			2.5	0.0	Không	
193	162233459	Võ Tiến	Đạt	K16KTR5	5		7			8			5	5.9	Năm phẩy Chín	
194	162233460	Lương Tấn	Đạt	K16KTR5	6		6			8			5	5.9	Năm phẩy Chín	
195	162233476	Phan Quốc	Hân	K16KTR5	3		7.5			4			3.5	0.0	Không	
196	162233478	Nguyễn	Hăng	K16KTR5	3.5		7.5			2			0	0.0	Không	
197	162233482	Nguyễn Nhật	Hậu	K16KTR5	5		6			8			2	0.0	Không	
198	162233488	Ngô Văn	Hiếu	K16KTR5	3.5		5			3			0	0.0	Không	
199	162233493	Đặng Minh	Hoàng	K16KTR5	4.5		7.5			6			1	0.0	Không	
200	162233495	Nguyễn Tri Bảo	Hoàng	K16KTR5	5		10			8			6	6.9	Sáu phẩy Chín	
201	162233500	Võ Thị	Huệ	K16KTR5	10		5			8			6	6.7	Sáu phẩy Bảy	
202	162233507	Ngô Văn	Huy	K16KTR5	3		2			6			5	4.6	Bốn phẩy Sáu	
203	162233508	Trần Kim	Huy	K16KTR5	3		6			7			0	0.0	Không	
204	162233514	Ngô Thái Quốc	Khánh	K16KTR5	3		5			8			1	0.0	Không	
205	162233516	Bùi Quang	Khoa	K16KTR5	5.5		2			7			2	0.0	Không	
206	162233517	Lưu Tổng Đăng	Khoa	K16KTR5	5.5		6			8			9	8.0	Tám	
207	162233518	Trần Phước	Kỹ	K16KTR5	3.5		6			7			1	0.0	Không	
208	162233522	Trần Việt	Liêm	K16KTR5	5		7.5			5			7	6.5	Sáu phẩy Năm	
209	162233532	Võ Gia	Lưu	K16KTR5	4		6			8			6	6.2	Sáu phẩy Hai	

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10%	0%	15%	0%	0%	20%	0%	0%	55%				
210	162233539	Nguyễn Tấn Mỹ	K16KTR5	10		8			8			10	9.3	Chín phẩy Ba		
211	162233599	Nguyễn Thị Thuận	K16KTR5	4.5		8			8			5.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
212	162233622	Phạm Quốc Trí	K16KTR5	8		8			8			8	8.0	Tám		
213	162233623	Nguyễn Quang Trí	K16KTR5	8		8			6			6	6.5	Sáu phẩy Năm		
214	162233645	Võ Khánh Vy	K16KTR5	8		8			0			3	0.0	Không		
215	162236642	Nguyễn Thị Thanh Thuỷ	K16KTR5	5.5		5			8			5.5	5.9	Năm phẩy Chín		
216	162237347	Hồ Thị Minh Phương	K16KTR5	4		6			8			8	7.3	Bảy phẩy Ba		
1	0544	Nguyễn Nhật Bách	K13KTR	3.5		2			8			6	5.6	Năm phẩy Sáu	99880	
2	4858	Nguyễn Giang Khúc	K13KTR	3		4			7			V	0.0	Không	00100	
3	0530	Dương Quang Huy	K14KTR	3		2			8			1	0.0	Không	2129	
4	0538	Phùng Tuấn An	K14KTR	3		2			8			3	0.0	Không	2137	
5	1387	Đinh Anh Dũng	K14KTR	3		2			8			5	5.0	Năm	00909	
6	4504	Nguyễn Đức Công	K14KTR	3		4			8			7.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	98468	
7	4514	Trần Văn Nhựt	K14KTR	3		2			0			V	0.0	Không	00428	
8	4592	Phạm Ngọc Quyết	K14KTR	0		0			0			10	5.5	Năm phẩy Năm	97537	
9	4955	Nguyễn Anh Tuấn	K14KTR	3		4			8			6	5.8	Năm phẩy Tám	98019	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	122	54%	
2	Số sinh viên nợ	103	46%	
TỔNG CỘNG :		225	100%	

Đà Nẵng, 22/10/2012

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(Ký và ghi rõ họ tên)

VÕ QUỐC TOÀN

TRẦN THỊ LAN ANH

LÊ THỊ THU HÀ

ThS. NGUYỄN HỮU PHÚ